Tổng quan

BSC
BIDV SECURITIES JSC.

Thứ tư, ngày 16 tháng 8 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index trở lại sắc xanh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/8/2023		●	
Tuần 03/07-07/07/2023		●	
Tháng 08/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay tăng hơn 9 điểm, đóng cửa tại mốc 1,243.26 điểm. 5/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản dẫn đầu đà tăng. Ngoài ra, ngành Ngân hàng, Dịch vụ tài chính cũng có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng nhẹ trên cả hai sàn HSX và HNX. Phiên tăng điểm hôm nay thanh khoản còn yếu và độ lệch thị trường lớn nghiêng về một số ngành nhất định. Hiện tại chỉ số đang có xu hướng kiểm tra lại đỉnh ngắn hạn, đồng thời HĐTL đáo hạn vào ngày mai, do vậy, nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo xu hướng vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/08/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

• VN-Index +9.21 điểm, đóng cửa 1243.26 điểm. HNX-Index +1.11 điểm, đóng cửa 252.56 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: VIC (+4.93), VHM (+1.31), TCB (+1.12), STB (+0.68), VPB (+0.68).
• Kéo chỉ số giảm: MSN (-0.21), VJC (-0.15), GVR (-0.1), GAS (-0.09), DHG (-0.08).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 19,020 tỷ đồng, tăng 7.41% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,918 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 7.42 điểm. Thị trường có 217 mã tăng, 69 mã tham chiếu, 243 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -24.6 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VPB (-85.52 tỷ), MSN (-59.6 tỷ), VHM (-42.43 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -25.52 tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

• BSC30 +0.57%. Các mã diễn biến tích cực: STB (+4.44%), TCB (+3.67%), VHM (+1.94%)
• BSC50 +1.41%. Các mã diễn biến tích cực: HDC (+6.85%), DIG (+4.99%), GEX (+4.66%)

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

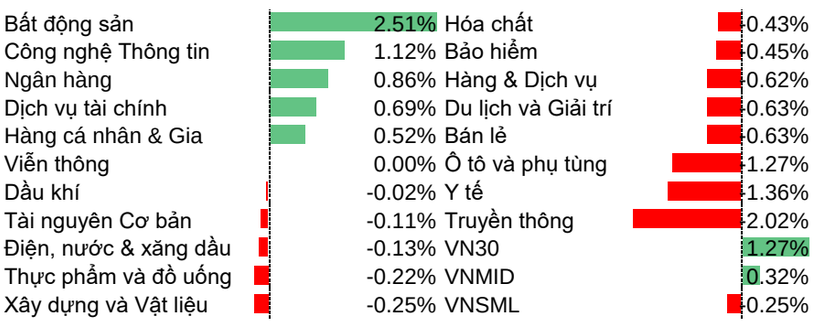

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX	**1243.26**
Giá trị: 19019.54 tỷ	9.21 (0.75%)
Khối ngoại (ròng): -24.6 tỷ	
HNX-INDEX	**252.56**
Giá trị: 2000.18 tỷ	1.11 (0.44%)
Khối ngoại (ròng): -25.52 tỷ	
UPCOM-INDEX	**93.67**
Giá trị: 795.59 tỷ	0.18 (0.19%)
Khối ngoại (ròng): -18.69 tỷ	

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	81.1	-1.69%
Giá vàng	1,902	-0.34%
Tỷ giá USD/VND	23,580	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,561	-0.22%
Tỷ giá JPY/VND	163	0.09%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	0.87%
LS TPCP 5 năm	2.2%	0.01%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	186.00	VPB	-85.52
VRE	107.62	MSN	-59.60
CTG	51.26	VHM	-42.43
BID	27.91	VCI	-31.34
HAX	26.40	KDH	-30.66

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 16/8

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	81.12	-1.69%	-2.17%	9.50%	-5.52%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	85.07	-1.32%	-1.27%	8.54%	-7.27%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.84	-2.17%	-0.07%	10.57%	6.87%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.67	-4.65%	-4.03%	6.43%	-71.43%		
TTF Gas	EUR/MWh	38.81	12.72%	24.94%	54.63%	-82.82%		
Vàng	Ounce	1,901.51	-0.34%	-1.21%	-2.72%	7.09%		PNJ
Bạc	Ounce	22.51	-0.42%	-1.08%	-9.42%	11.91%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,323.25	-2.20%	-2.23%	-5.97%	-4.18%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	17.32	0.29%	-0.23%	25.24%	-14.13%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	127.40	-0.31%	-0.78%	-1.39%	-14.73%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	23.77	-1.16%	1.36%	-0.13%	30.10%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	415.00	1.22%	10.67%	38.10%	-42.56%		DPM, DCM
Niken	LB	19,789.00	-0.82%	-5.15%	-4.91%	-9.79%		PC1
Đồng	LB	3.66	-1.84%	-2.45%	-4.70%	0.54%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,122.00	0.00%	0.28%	7.17%	-20.23%		CSV
Thép	CNY/ton	3,580.00	0.11%	-1.70%	-3.53%	-13.57%		HPG
Nhôm	Ton	2,144.00	-0.09%	-2.57%	-4.92%	-10.37%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu thô Brent kết thúc phiên giảm 1.32 USD, tương đương 1.5%, xuống mức 84.89 USD/thùng, trong khi dầu thô Trung cấp Tây Texas của Mỹ (WTI) giảm 1.52 USD, tương đương 1.8%, xuống 80.99 USD.

• Giá dầu giảm hơn 1% vào thứ Ba do dữ liệu kinh tế chậm chạp của Trung Quốc cùng với lo ngại rằng việc Bắc Kinh bất ngờ cắt giảm lãi suất chính sách không đủ mạnh để khôi phục lại quá trình phục hồi của nước này sau đại dịch.

Giá vàng

• Vàng giao ngay kết thúc phiên ít thay đổi, ở mức 1,905.19 USD/ounce lúc, sau khi có lúc chạm mức thấp nhất kể từ ngày 29 tháng 6, là 1,895.50 USD. Giá vàng kỳ hạn tương lai của Mỹ giảm 0.5% xuống 1,935.2 USD.

• Giá vàng ổn định vào thứ Ba nhờ đồng USD giảm mặc dù dự đoán rằng Cục Dự trữ Liên bang có thể sẽ giữ lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn sau khi dữ liệu mạnh mẽ của Mỹ giữ giá vàng thỏi gần mức thấp nhất trong 6 tuần.

Giá quặng sắt

• Quặng sắt kỳ hạn tháng Giêng trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc kết thúc phiên giao dịch tăng 1.6% lên 740 nhân dân tệ (101.67 USD) mỗi tấn, tăng phiên thứ tư liên tiếp.

• Giá quặng sắt kỳ hạn tương lai tăng vào thứ Ba khi các thương nhân cân nhắc tác động làn sóng dữ liệu đáng thất vọng mới nhất của Trung Quốc so với triển vọng nhập khẩu gia tăng và áp lực buộc Bắc Kinh phải có thêm gói kích thích.

Giá hàng hóa khác

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 1.25 cent, tương đương 0.8%, xuống 1.5135 USD/lb, sau khi trước đó chạm mức thấp nhất kể từ giữa tháng 1 ở mức 1.4940 USD/lb.

• Giá cà phê arabica kỳ hạn trên sàn ICE chạm mức thấp nhất 7 tháng vào thứ Ba do vụ thu hoạch tại nhà sản xuất hàng đầu Brazil sắp kết thúc và đồng real Brazil yếu đi.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	89.2	0.3%	1.0	20,934	2.7	7,311	12.2	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	47.5	1.1%	0.8	10,089	2.7	4,208	11.3	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	22.4	1.8%	1.1	6,314	37.2	-		23,685	16.9%	Link
TCB	Ngân hàng	35.3	3.7%	1.7	5,214	19.6	-		-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	19.0	0.3%	1.5	4,160	7.8	4,640	4.1	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	32.9	4.4%	1.2	2,604	62.1	4,603	7.1	31,200	24.9%	Link
GVR	BĐS KCN	21.4	-0.5%	1.9	3,586	1.8	4,880	4.4	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	32.4	-0.8%	1.6	1,043	6.2			34,000	19.9%	Link
IDC	BĐS KCN	48.4	-1.8%	1.7	671	5.5	1,217		45,900	10.4%	Link
VGC	BĐS KCN	47.8	-1.0%	1.8	899	1.2	1,916	24.9	-	4.6%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.0	0.0%	2.1	6,824	17.6	1,896	14.8	23,300	26.0%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	62.9	1.9%	1.1	11,501	16.8	5,227	12.0	79,900	24.0%	Link
VRE	BĐS	31.5	0.6%	1.0	3,006	15.6	1,576	20.0	36,200	32.2%	Link
KDH	BĐS	35.6	-1.2%	1.8	1,070	2.3	2,557	13.9	35,900	38.0%	Link
NLG	BĐS	38.6	0.1%	1.7	622	2.8	14,120	2.7	46,100	42.0%	Link
DGC	Phân bón	75.7	-0.9%	1.8	1,207	8.5	6,793	11.1	85,000	14.0%	Link
DPM	Dầu khí	41.5	0.0%	1.0	682	5.2	2,625	15.8	42,000	14.9%	Link
DCM	Dầu khí	33.4	0.0%	1.3	741	3.3	2,292	14.6	40,000	9.5%	Link
GAS	Dầu khí	100.2	-0.2%	0.6	8,053	1.7	1,340	74.8	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	40.2	-0.2%	0.9	2,147	1.7	2,929	13.7	45,000	17.6%	Link
PVS	Dầu khí	34.7	0.3%	1.0	696	8.6	993	34.9	38,500	20.5%	Link
PVD	Dầu khí	25.8	0.8%	1.1	601	6.8	7,698	3.4	29,000	21.2%	Link
POW	Tiện ích	13.9	0.0%	0.9	1,367	4.9	3,895	3.6	14,500	7.2%	Link
VNM	Bán lẻ	73.1	0.4%	0.4	6,415	6.4	2,605	28.1	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	81.8	-0.7%	1.3	4,915	6.4	3,456	23.7	27,700	30.2%	Link
MWG	Bán lẻ	53.8	-0.4%	1.8	3,304	11.6	7,475	7.2	63,300	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.2	1.5%	0.7	1,105	2.0	2,965	27.0	83,500	47.9%	Link
VHC	Thủy sản	74.0	-1.6%	1.0	570	2.0	12,800	5.8	90,900	32.5%	Link
GMD	Logistics	55.8	-0.4%	0.4	706	1.4	7,059	7.9	57,000	47.5%	Link
FPT	Công nghệ	85.1	1.3%	0.7	4,538	9.3	5,901	14.4	96,300	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

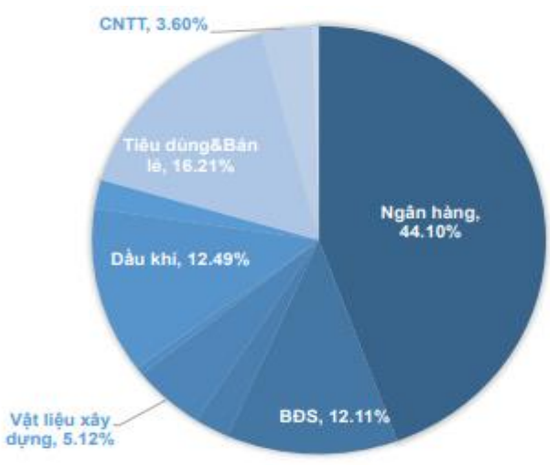

Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.4	-0.20%	1.1	6,528	8.7	3,520	8.6	1.3	27.2%	15.9%
ACB	Ngân hàng	22.9	0.2%	1.1	3,735	8.1	3,742	5.9	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.2	0.6%	0.8	2,083	1.3	3,149	5.9	1.3	20.0%	22.3%
LPB	Ngân hàng	19.0	0.3%	1.4	1,376	5.6	2,732	5.9	1.3	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	20.6	0.2%	1.2	2,200	3.2	3,469	5.9	1.5	20.5%	28.5%
VND	Chứng khoán	21.3	0.9%	2.0	1,089	23.8	489	36.6	1.7	23.5%	3.8%
TPB	Ngân hàng	19.1	0.5%	1.0	1,766	6.8	2,895	6.3	1.4	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	28.8	0.5%	1.7	1,816	17.4	1,120	25.0	2.0		9.1%
CII	Xây dựng	22.4	0.7%	1.7	266	9.6	218	85.0	1.1	8.4%	0.2%
C4G	Xây dựng	15.4	-0.6%	1.9	0	1.6	791	18.1	1.4	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	67.0	0.1%	2.1	209	3.0	184	420.2	0.6	43.2%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.9	-0.9%	1.6	220	4.1	903	17.2	0.7	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	14.2	-0.4%	2.1	113	3.1	812	17.0	1.1	3.1%	3.7%
BCM	KCN	72.9	-0.4%	0.6	3,168	1.0	1,170	69.2	4.4	2.7%	3.1%
HUT	KCN	27.0	0.0%	1.4	395	4.3	162	124.2	2.4	1.9%	1.3%
PHR	KCN	51.3	1.2%	1.4	292	0.8	6,039	8.4	2.1	15.3%	26.8%
SZC	KCN	37.4	-1.2%	1.8	188	1.2	1,103	29.1	2.8	3.0%	10.8%
HSG	Vật liệu	20.4	-1.0%	2.3	528	6.0	(1,694)		1.2	20.2%	-11.7%
HT1	Vật liệu	16.2	-0.3%	1.5	259	1.2	386	43.4	1.3	3.6%	1.2%
NKG	Vật liệu	20.3	-0.5%	2.4	224	5.1	(2,586)		1.0	10.4%	-13.1%
PTB	Vật liệu	54.3	-0.7%	1.1	153	0.8	6,017	9.1	1.4	17.1%	13.7%
KSB	Vật liệu	31.4	-0.8%	1.7	100	2.0	1,393	22.2	1.2	3.3%	5.0%
NVL	BĐS	20.6	-0.5%	1.4	1,691	35.5	362	40.6	1.1	3.9%	-0.5%
DXG	BĐS	20.8	1.7%	2.8	532	19.7	(240)		1.3	18.4%	-1.4%
HDC	BĐS	37.3	0.8%	1.0	212	6.9	2,526	11.4	2.7	2.0%	17.2%
DIG	BĐS	28.5	4.0%	2.4	730	37.7	262	80.6	2.2	5.8%	1.1%
IJC	BĐS	16.5	-1.2%	2.1	174	1.6	1,662	8.6	1.1	5.7%	10.2%
BSR	Dầu khí	20.2	-1.9%	1.4	0	10.3	4,750	3.8	1.2	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.5	-0.4%	0.8	319	2.1	2,740	8.6	1.1	13.9%	15.9%
PLC	Săm lốp	38.5	0.0%	1.6	131	0.3	1,355	28.2	2.4	1.2%	7.6%
DRC	Tiện ích	23.3	-1.1%	1.2	116	0.2	2,246	10.3	1.6	11.5%	13.4%
REE	Tiện ích	63.1	-0.3%	0.7	1,083	1.0	6,714	9.8	1.6	49.0%	14.9%
GEX	Tiện ích	22.9	-0.4%	1.8	819	9.5	10	1917.7	1.6	11.9%	2.5%
NT2	Tiện ích	29.5	-0.7%	0.5	357	0.5	3,245	9.3	1.8	15.3%	15.6%
HDG	Tiện ích	30.8	-1.8%	1.8	395	3.1	3,775	8.1	1.7	23.8%	15.7%
PC1	Tiện ích	28.0	-1.1%	1.5	318	2.0	1,257	21.6	1.5	5.6%	5.1%
GEG	Tiện ích	15.3	-1.0%	1.0	219	0.6	902	16.5	1.4	45.9%	5.2%
BCG	Dầu khí	11.8	0.0%	2.5	265	4.9	220	44.5	0.9	2.1%	-0.6%
SAB	Bán lẻ	157.3	0.0%	0.0	4,236	1.4	7,649	19.6	4.2	62.3%	19.1%
QNS	Bán lẻ	48.7	-1.2%	0.5	0	2.7	4,226	11.9	2.0	16.2%	17.5%
FRT	Bán lẻ	73.2	-1.5%	1.5	419	2.5	1,620	47.4	5.9	32.7%	-2.5%
DGW	Bán lẻ	53.0	-1.9%	2.2	372	3.4	3,397	14.2	3.5	23.6%	21.7%
DBC	Bán lẻ	26.2	-0.2%	2.1	266	7.2	(1,339)		1.4	6.0%	-0.2%
PET	Bán lẻ	27.4	-1.8%	2.4	123	0.3	1,026	29.3			3.7%
BAF	Bán lẻ	22.0	-0.7%	1.1	133	1.8	1,409	17.9	1.7	0.1%	10.0%
ANV	Thủy sản	35.0	-1.7%	1.9	195	2.0	4,368	8.6	1.6	3.9%	9.3%
VSC	Logistics	34.5	-2.5%	0.1	176	2.3	2,087	18.3	1.5	3.1%	6.4%
HAH	Logistics	33.6	-0.6%	1.2	149	1.1	9,072	5.3	1.5	4.5%	25.5%
CTR	Công nghệ	74.0	1.4%	1.5	355	1.0	4,040	18.5	5.0	9.7%	31.9%
TNG	Dệt may	19.6	-1.0%	1.7	93	0.9	2,665	7.5	1.3	23.8%	17.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639